

Số: 357 /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2019/TT-NHNN ngày 01 tháng 02 năm 2019 và Thông tư số 15/2016/TT-NHNN ngày 30 năm 6 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN ngày 01/02/2019 thực hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/3/2019.

Quyết định này bãi bỏ nội dung về công bố các thủ tục hành chính có mã như sau: B-NHA-285012-TT, B-NHA-285014-TT, B-NHA-285015-TT được công bố tại Quyết định số 110/QĐ-NHNN ngày 28/01/2016; NHNNVN-285252, NHNNVN-285253 được công bố tại Quyết định số 1814/QĐ-NHNN ngày 17/09/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *✓*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC – VPCP (để phối hợp);
- Văn phòng NHNN;
- Lưu: VP, TTGSNH5. *✓*

Đ. THỐNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đào Minh Tú

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 357/QĐ-NHNN
ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
A. Thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng					
1	NHNNVN- 285252	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần	Thông tư số 01/2019/TT- NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
2	NHNNVN- 285253	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn	Thông tư số 01/2019/TT- NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
3	B-NHA- 285014-TT	Thủ tục cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư số 01/2019/TT- NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
4	B-NHA- 285015-TT	Thủ tục đồng thời đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư số 01/2019/TT- NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
1	B-NHA- 285012-TT	Thủ tục đăng ký nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.	Thông tư số 01/2019/TT- NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1. Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Ban trụ bị thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần.

+ Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận.

+ Bước 4: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ban trụ bị gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước các văn bản bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

+ Bước 5: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản.

+ Bước 6: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN).

2. Dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Hội nghị thành lập thông qua.

3. Đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Hội nghị thành lập thông qua, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Sự cần thiết thành lập;

b) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập, loại hình, tên tỉnh/thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động và khả năng đáp ứng các điều kiện hoạt động ngân hàng quy định đối với loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến, trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và quản trị rủi ro đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

(i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị; Trưởng ban các Ủy Ban thuộc Hội đồng quản trị;

(ii) Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát;

(iii) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Kế hoạch đầu tư hệ thống công nghệ thông tin, trong đó thuyết minh về hệ thống công nghệ thông tin dự kiến đầu tư đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; khả năng tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước; đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hệ thống thông tin quản lý hiệu quả;

(iii) Hồ sơ về hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động;

(iv) Các giải pháp bảo đảm an toàn, bảo mật phù hợp với nội dung hoạt động dự kiến triển khai;

(v) Nhận diện, đo lường và phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng;

(vi) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

h) Khả năng phát triển bền vững trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường, trong đó chứng minh được lợi thế khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, đối tượng khách hàng, trong đó phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

i) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau đây:

- Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành;

- Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN); Phiếu lý lịch tư pháp:

Đối với người có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với người không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng.

b) Bản sao các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

c) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

5. Biên bản Hội nghị thành lập thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng, danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến và lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị.

6. *Danh sách các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN).*

7. Hồ sơ của cổ đông góp vốn thành lập:

a) Đối với cá nhân:

(i) Đơn mua cổ phần theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04A Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN);

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN);

b) Đối với cá nhân là cổ đông sáng lập:

(i) Hồ sơ quy định tại điểm a nêu trên;

(ii) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN); Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Phiếu lý lịch tư pháp phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng.

(iii) Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN);

c) Đối với tổ chức:

(i) Đơn mua cổ phần theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04B Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN);

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN);

(iii) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

(iv) Văn bản uỷ quyền người đại diện vốn góp tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật;

(v) Bản sao Điều lệ tổ chức và hoạt động;

(vi) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(vii) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho tổ chức được góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(viii) Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

(ix) Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

(x) Văn bản của cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận về việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức;

d) Đối với tổ chức là cổ đông sáng lập:

(i) Hồ sơ quy định tại điểm c nêu trên;

(ii) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN); Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

(iii) Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

(iv) Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

Các văn bản nộp bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc:

+ Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Đại hội thành lập thông qua;

+ Biên bản và Nghị quyết của Đại hội thành lập về việc thông qua Điều lệ, bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

+ Biên bản họp Hội đồng quản trị về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách;

+ Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

+ Văn bản của một ngân hàng thương mại Việt Nam nơi Ban trụ bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của các cổ đông góp vốn thành lập;

+ Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở chính;

+ Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm i(ii) khoản 3 Điều 14 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN đã được Đại hội thành lập, Hội đồng quản trị thông qua;

+ Báo cáo của cổ đông sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam về việc tuân thủ các quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 180 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện theo quy định thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần.

- **Lệ phí:** 70.000.000 đồng

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Phụ lục số 01 (Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng).

+ Phụ lục số 02 (Mẫu sơ yếu lý lịch tự khai)

+ Phụ lục số 03 (Danh sách các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

+ Phụ lục số 04A (Mẫu đơn mua cổ phần đối với cá nhân)

+ Phụ lục số 04B (Mẫu đơn mua cổ phần đối với tổ chức)

+ Phụ lục số 05 (Bảng kê khai người có liên quan)

+ Phụ lục số 06 (Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của cá nhân góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

+ Phụ lục số 07 (Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

+ Phụ lục số 08 (Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại)

- **Yêu cầu, điều kiện:**

+ Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;

+ Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 của Luật các tổ chức tín dụng;

+ Có Điều lệ phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

+ Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

+ Điều kiện đối với cổ đông sáng lập:

a) Không phải là cổ đông chiến lược, cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

b) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;

c) Ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, b nêu trên, cổ đông sáng lập là cá nhân phải đáp ứng điều kiện sau đây:

(i) Mang quốc tịch Việt Nam;

(ii) Không thuộc những đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Cán bộ, công chức;

d) Ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, b nêu trên, cổ đông sáng lập là tổ chức phải đáp ứng điều kiện sau đây:

(i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

(ii) Kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liên kế trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

(iii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Đối với tổ chức là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam):

- Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong 03 năm tài chính liên kế trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liên kế trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp;

- Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật có liên quan;

(v) Đối với ngân hàng thương mại Việt Nam:

- Có tổng tài sản tối thiểu 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

- Không vi phạm các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liên kế trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

- Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

- Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong 02 năm liền kể trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2018 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 15/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 08 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Thông tư số 01/2019/TT-NHNN ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

PHỤ LỤC SỐ 01

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... , ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY ... (*)

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Căn cứ Biên bản Hội nghị thành lập ngày...tháng...năm....;

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Công ty ...(*) thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu Công ty...(*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng với các nội dung sau đây:

1. Hình thức tổ chức:
2. Tên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có)
 - Tên giao dịch (nếu có)
3. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:
4. Nội dung hoạt động:
5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ: ... đồng Việt Nam (bằng chữ...), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số hộ chiếu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty A				
2	Nguyễn Văn B				
3					

7. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký khai trương hoạt động và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Công ty ...(*)

(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện hợp pháp ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

PHỤ LỤC SỐ 02

MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Ảnh màu
(4x6) đóng
dấu giáp lai
của cơ quan
xác nhận lý
lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên khai sinh:
- Họ và tên thường gọi:
- Bí danh:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi sinh:
- Quốc tịch:
- + Quốc tịch gốc:
- + Các Quốc tịch hiện nay:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Địa chỉ theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):
- Địa chỉ cư trú hiện nay:
- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân khác; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện; số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp là người đại diện vốn góp của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính;

- Các chức vụ đang giữ tại các tổ chức khác;
- Chức vụ dự kiến được bầu (bổ nhiệm) tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. kê khai người có liên quan

Kê khai người có liên quan của người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

5. Cam kết trước pháp luật

- Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với lời khai này.

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết).

**Xác nhận của cơ quan nơi làm việc hoặc
Ủy ban nhân dân nơi đăng ký hộ khẩu
thường trú**

....., ngày ... tháng ... năm.....

Người khai
(Ký và ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC SỐ 03

DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG (THÀNH VIÊN) GÓP VỐN THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG (THÀNH VIÊN) GÓP VỐN THÀNH LẬP CÔNG TY ...(*)

STT (1)	Tên cổ đông, thành viên góp vốn (2)	Địa chỉ (3)	Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số hộ chiếu (4)	Giá trị vốn góp (5)	Số cổ phần (6)	Loại cổ phần (7)	Tỷ lệ vốn góp (8)
I. Cổ đông (thành viên) sáng lập:							
Tổ chức							
1	Công ty A						
2							
Cá nhân							
3	Nguyễn Văn A						
4							
II. Cổ đông (thành viên) góp vốn khác							
Tổ chức							
5	Công ty B						
6							
Cá nhân							
7	Nguyễn Văn B						
8							

Trưởng Ban trụ bị
(Ký và ghi rõ họ tên)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

PHỤ LỤC SỐ 04A

MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI CÁ NHÂN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Công ty ... (*)

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Ngày tháng năm sinh:
- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Số điện thoại:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Địa chỉ theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):
- Địa chỉ cư trú hiện nay:

2. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:
- Thời gian nộp tiền:

3. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà cá nhân đang có vốn góp;
- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó.

4. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Công ty ...(*) và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi cam kết:

- a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

- b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần;
- c) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Công ty ...(*), các quy định nội bộ của Công ty ...(*) và các quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của những hồ sơ gửi kèm.

Người mua cổ phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

PHỤ LỤC SỐ 04B

MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI TỔ CHỨC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Công ty ... (*)

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên tổ chức: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, do... cấp ngày... tháng ... năm...:
- Vốn điều lệ:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: Số Fax: ...

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức:
- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Địa chỉ cư trú hiện nay:

3. Người được cử làm đại diện phần vốn góp của tổ chức tại Công ty....(*):

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Quan hệ với tổ chức (trong trường hợp không làm việc cho tổ chức đó):
- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:
- Quốc tịch:

- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:

- Địa chỉ cư trú hiện nay:

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Loại cổ phần:

- Giá trị:

- Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:

- Thời gian nộp tiền:

5. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà tổ chức đang có vốn góp;

- Số vốn đã góp, mua cổ phần và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó.

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Công ty ...(*) và các quy định của pháp luật có liên quan, (tên tổ chức đề nghị mua cổ phần) cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức, cá nhân khác để góp vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của khoản tiền đã góp thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần;

c) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Công ty ...(*), các quy định nội bộ của Công ty ... (*) và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của những hồ sơ gửi kèm.

Người đại diện hợp pháp của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

PHỤ LỤC SỐ 05
BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Thông tin người kê khai

2. Người có liên quan

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng		Tỷ lệ góp vốn điều lệ thành lập Công ty...(*)
			Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng	Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Văn A	Người khai			
2	Nguyễn Thị B				
3	Công ty X				
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)	

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của cổ đông góp vốn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Họ và tên;
- Tên thường gọi;
- Ngày, tháng, năm sinh;
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú;
- Địa chỉ cư trú hiện nay;
- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân khác; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp;
- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;
- Địa chỉ;
- Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.2. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.3. Cột (5): Ghi cụ thể tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng tại thời điểm đăng ký tham gia góp vốn thành lập Công ty ... (*).

2.4. Cột (6): Ghi cụ thể tỷ lệ vốn góp đăng ký, tham gia góp để thành lập Công ty ... (*) căn cứ theo Phụ lục số 04A, Phụ lục số 04B Thông tư này.

2.5. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến góp vốn tham gia thành lập

PHỤ LỤC SỐ 06

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA CÁ NHÂN GÓP VỐN THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG *(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA CÁ NHÂN

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu:
4. Số tài khoản tại ngân hàng:
5. Nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh:
6. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng
 - Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - Địa chỉ:
 - Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương:
 - Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ quá hạn tại thời điểm gần nhất:
 - Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
- + Thời điểm: Tháng/ năm
- + Thực trạng xử lý nợ xấu *(Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào):*

..., ngày... tháng... năm...

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 07

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA TỔ CHỨC GÓP VỐN THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA TỔ CHỨC

1. Tên tổ chức:

2. Mã số thuế:

3. Lĩnh vực kinh doanh:

4. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng

- Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

- Địa chỉ:

- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương:

- Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:

- Dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:

- Dư nợ quá hạn tại thời điểm gần nhất:

- Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

+ Thời điểm: Tháng/ năm

+ Thực trạng xử lý nợ xấu *(Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào)*:

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện hợp pháp của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 08

BÁO CÁO KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH THAM GIA GÓP VỐN TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG CỦA TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI LÀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: (1)

1. Thông tin về tổ chức:

- Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, do... cấp ngày... tháng... năm...
- Vốn điều lệ
- Địa chỉ trụ sở chính
- Số điện thoại: Số Fax:
- Người đại diện theo pháp luật:

2. Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập Công ty ... (*)

- A: Vốn chủ sở hữu (2).
- B: Tài sản dài hạn (3) trừ đi Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (4).
- C: Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập Công ty ...(*)

$(C = A - B)$

Kết luận: Đủ khả năng tài chính góp vốn thành lập Công ty ... (*) (chỉ kết luận này khi C tối thiểu bằng mức vốn cam kết góp của tổ chức)

Ghi chú:

- (1): Gửi Ban trụ bị.
- (2), (3), (4): Được lấy theo Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ.

Người đại diện hợp pháp của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

2. Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Ban trụ bị thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn.

+ Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận.

+ Bước 4: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ban trụ bị gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước các văn bản bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

+ Bước 5: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản.

+ Bước 6: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN).

2. Dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Hội nghị thành lập thông qua hoặc chủ sở hữu phê duyệt.

3. Đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Hội nghị thành lập thông qua hoặc chủ sở hữu phê duyệt, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Sự cần thiết thành lập;

b) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập, loại hình, tên tỉnh/thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động và khả năng đáp ứng các điều kiện hoạt động ngân hàng quy định đối với loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập;

c) Năng lực tài chính của chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến, trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và quản trị rủi ro đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

(i) Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy Ban thuộc Hội đồng thành viên;

(ii) Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát;

(iii) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và các rủi ro khác trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Kế hoạch đầu tư hệ thống công nghệ thông tin, trong đó thuyết minh về hệ thống công nghệ thông tin dự kiến đầu tư đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; khả năng tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước; đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hệ thống thông tin quản lý hiệu quả;

(iii) Hồ sơ về hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động;

(iv) Các giải pháp bảo đảm an toàn, bảo mật phù hợp với nội dung hoạt động dự kiến triển khai;

(v) Nhận diện, đo lường và phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng;

(vi) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

h) Khả năng phát triển bền vững trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường, trong đó chứng minh được lợi thế khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, đối tượng khách hàng, trong đó phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

i) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau đây:

- Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành;

- Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN); Phiếu lý lịch tư pháp:

Đối với người có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với người không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa; thông tin về việc cấm đảm

nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng;

b) Bản sao các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

c) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

5. Biên bản Hội nghị thành lập thông qua hoặc văn bản của chủ sở hữu phê duyệt dự thảo Điều lệ, đề án thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng, danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến và lựa chọn Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị.

6. *Danh sách các thành viên sáng lập, thành viên góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN).*

7. Hợp đồng liên doanh có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật và phải có tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh;

b) Tên, địa chỉ của các bên tham gia liên doanh và người đại diện theo pháp luật của các bên liên doanh;

c) Thời hạn hoạt động của liên doanh;

d) Vốn điều lệ, tỷ lệ góp vốn, mức vốn góp của mỗi bên, phương thức góp vốn, tiến độ góp vốn điều lệ;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên liên doanh;

e) Số lượng và tỷ lệ thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của các bên trong liên doanh;

g) Dự kiến số phòng ban và số lượng cán bộ, nhân viên thời gian đầu của mỗi bên (số người mang quốc tịch Việt Nam, số người mang quốc tịch nước ngoài);

h) Các nguyên tắc về hạch toán, kế toán, báo cáo, lập và sử dụng các quỹ; việc phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Thủ tục giải quyết những tranh chấp giữa các bên phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng liên doanh, thủ tục thanh lý, giải thể, sáp nhập và hợp nhất của tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh;

k) Các điều kiện để sửa đổi, bổ sung hợp đồng liên doanh;

Hợp đồng liên doanh phải do đại diện hợp pháp của các bên liên doanh ký tắt vào từng trang và ký đầy đủ vào cuối hợp đồng.

8. Hợp đồng thỏa thuận góp vốn giữa các thành viên sáng lập đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn.

9. Hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam:

a) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

b) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

c) Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật;

d) Bản sao Điều lệ tổ chức và hoạt động;

đ) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

e) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho tổ chức được góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

g) Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

h) Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

i) Văn bản của cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận về việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức;

k) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN); Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật, người được cử

đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

l) Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

m) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của chủ sở hữu, thành viên sáng lập cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

10. Hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài:

a) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

b) Văn bản uỷ quyền người đại diện vốn góp tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật;

c) Bản sao Điều lệ tổ chức và hoạt động;

d) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

đ) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho tổ chức được góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

e) Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

g) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-NHNN);

Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

h) Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN;

i) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của chủ sở hữu, thành viên sáng lập cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

k) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước nguyên xứ cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh và tổ

chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam. Trường hợp pháp luật nước nguyên xứ quy định cơ quan có thẩm quyền không có chức năng cấp văn bản này thì phải có bằng chứng xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước nguyên xứ hoặc văn bản pháp luật của nước nguyên xứ quy định về vấn đề này, được hợp pháp hoá lãnh sự, dịch sang tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật;

l) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tổ chức tín dụng nước ngoài như sau:

(i) Nội dung hoạt động đã được cấp phép tại nước nguyên xứ tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(ii) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iii) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nguyên xứ vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Tình hình tuân thủ các quy định của nước nguyên xứ về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

n) Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp loại tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức tín dụng nước ngoài trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

o) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cam kết bảo đảm khả năng giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài;

p) Văn bản cam kết của chủ sở hữu, các thành viên sáng lập về việc:

(i) Sẵn sàng hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

(ii) Bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Các văn bản nộp bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc:

a) Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được Hội đồng thành viên thông qua;

b) Văn bản của một ngân hàng thương mại Việt Nam nơi Ban trụ bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của chủ sở hữu, các thành viên sáng lập;

c) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở chính;

d) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm i(ii) khoản 3 Điều 14 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN đã được Hội đồng thành viên thông qua;

đ) Báo cáo của ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam về việc tuân thủ các quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

e) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước nguyên xứ đánh giá tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, c, đ khoản 3 Điều 12 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

g) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e nêu trên, Ban trụ bị thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải nộp bổ sung các văn bản sau đây:

(i) Quyết định của chủ sở hữu về việc bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

(ii) Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách;

h) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e nêu trên, Ban trụ bị thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải nộp bổ sung các văn bản sau đây:

(i) Biên bản và Nghị quyết của Đại hội thành lập về việc thông qua Điều lệ, bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát;

(ii) Biên bản họp Hội đồng thành viên thông qua các nội dung về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách;

(iii) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng.

- Số lượng hồ sơ:

+ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong nước được lập 01 bộ gốc bằng tiếng Việt;

+ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài được lập thành 02 bộ gốc gồm 01 bộ bằng tiếng Việt và 01 bộ bằng tiếng Anh, trong đó: a) Bộ hồ sơ tiếng Anh phải được hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ các tài liệu sau đây: (i) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ gửi trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước; (ii) Các báo cáo tài chính; b) Các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam; c) Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật.

- **Thời hạn giải quyết:** 180 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức đáp ứng các điều kiện theo quy định thành lập tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn.

- **Lệ phí:** 70.000.000 đồng

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Phụ lục số 01 (Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

+ Phụ lục số 02 (Mẫu sơ yếu lý lịch tự khai)

+ Phụ lục số 03 (Danh sách các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

+ Phụ lục số 05 (Bảng kê khai người có liên quan)

+ Phụ lục số 07 (Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng)

+ Phụ lục số 08 (Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại)

- **Yêu cầu, điều kiện:**

+ Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;

+ Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 của Luật các tổ chức tín dụng;

+ Có Điều lệ phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

+ Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

+ Điều kiện đối với thành viên sáng lập là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam):

a) Không phải là cổ đông chiến lược, cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

b) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;

c) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

d) Kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

đ) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

e) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp;

g) Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật có liên quan.

+ Điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam:

a) Không phải là cổ đông chiến lược, cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

b) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;

c) Kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

d) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

đ) Có tổng tài sản tối thiểu 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

e) Không vi phạm các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

g) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

h) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

+ Điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài:

a) Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

b) Hoạt động dự kiến xin phép thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

c) Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài; bảo đảm các tổ chức này duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn của Luật các tổ chức tín dụng;

d) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài.

đ) Kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

e) Có tổng tài sản có trên 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

g) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nguyên xứ trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

h) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp loại tín nhiệm quốc tế xếp hạng từ mức ổn định trở lên, mức có khả năng thực hiện các cam kết tài chính và hoạt động bình thường ngay cả khi tình hình, điều kiện kinh tế biến đổi theo chiều hướng không thuận lợi;

i) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nguyên xứ vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

k) Không phải là cổ đông chiến lược, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

l) Trường hợp tổ chức tín dụng nước ngoài là công ty cho thuê thì số dư cho thuê tài chính và cho vay phải chiếm tối thiểu 70% tổng tài sản của công ty.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2018 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 15/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 08 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Thông tư số 01/2019/TT-NHNN ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

PHỤ LỤC SỐ 01

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY ... (*)

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Căn cứ Biên bản Hội nghị thành lập ngày...tháng...năm....;

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Công ty ...(*) thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu Công ty...(*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng với các nội dung sau đây:

1. Hình thức tổ chức:
2. Tên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có)
 - Tên giao dịch (nếu có)
3. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:
4. Nội dung hoạt động:
5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ: ... đồng Việt Nam (bằng chữ...), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số hộ chiếu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty A				
2	Nguyễn Văn B				
3					

7. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.
- Thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký khai trương hoạt động và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Công ty ...(*)

(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện hợp pháp ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

PHỤ LỤC SỐ 02

MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

*Ảnh màu
(4x6) đóng
dấu giáp lai
của cơ quan
xác nhận lý
lịch*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên khai sinh:
- Họ và tên thường gọi:
- Bí danh:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi sinh:
- Quốc tịch:
- + Quốc tịch gốc:
- + Các Quốc tịch hiện nay:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Địa chỉ theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):
- Địa chỉ cư trú hiện nay:
- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân khác; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp:
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện; số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp là người đại diện vốn góp của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính;

- Các chức vụ đang giữ tại các tổ chức khác;
- Chức vụ dự kiến được bầu (bổ nhiệm) tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. kê khai người có liên quan

Kê khai người có liên quan của người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

5. Cam kết trước pháp luật

- Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với lời khai này.

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết).

**Xác nhận của cơ quan nơi làm việc hoặc
Ủy ban nhân dân nơi đăng ký hộ khẩu
thường trú**

....., ngày ... tháng ... năm.....

Người khai
(Ký và ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC SỐ 03

DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG (THÀNH VIÊN) GÓP VỐN THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG (THÀNH VIÊN) GÓP VỐN THÀNH LẬP CÔNG TY ...(*)

STT (1)	Tên cổ đông, thành viên góp vốn (2)	Địa chỉ (3)	Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số hộ chiếu (4)	Giá trị vốn góp (5)	Số cổ phần (6)	Loại cổ phần (7)	Tỷ lệ vốn góp (8)
I. Cổ đông (thành viên) sáng lập:							
Tổ chức							
1	Công ty A						
2							
Cá nhân							
3	Nguyễn Văn A						
4							
II. Cổ đông (thành viên) góp vốn khác							
Tổ chức							
5	Công ty B						
6							
Cá nhân							
7	Nguyễn Văn B						
8							

Trưởng Ban trụ bị
(Ký và ghi rõ họ tên)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

PHỤ LỤC SỐ 05
BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Thông tin người kê khai

2. Người có liên quan

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng		Tỷ lệ góp vốn điều lệ thành lập Công ty...(*)
			Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng	Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Văn A	Người khai			
2	Nguyễn Thị B				
3	Công ty X				
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)	

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của cổ đông góp vốn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Họ và tên;
- Tên thường gọi;
- Ngày, tháng, năm sinh;
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú;
- Địa chỉ cư trú hiện nay;
- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân khác; nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp;
- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;
- Địa chỉ;
- Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, nơi cấp, ngày cấp, cơ quan cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.2. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.3. Cột (5): Ghi cụ thể tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng tại thời điểm đăng ký tham gia góp vốn thành lập Công ty ... (*).

2.4. Cột (6): Ghi cụ thể tỷ lệ vốn góp đăng ký, tham gia góp để thành lập Công ty ... (*) căn cứ theo Phụ lục số 04A, Phụ lục số 04B Thông tư này.

2.5. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến góp vốn tham gia thành lập

PHỤ LỤC SỐ 07

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA TỔ CHỨC GÓP VỐN THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA TỔ CHỨC

1. Tên tổ chức:
2. Mã số thuế:
3. Lĩnh vực kinh doanh:
4. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng
 - Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - Địa chỉ:
 - Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương:
 - Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm kê khai:
 - Dư nợ quá hạn tại thời điểm gần nhất:
 - Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
- + Thời điểm: Tháng/ năm
- + Thực trạng xử lý nợ xấu *(Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào):*

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện hợp pháp của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 08

BÁO CÁO KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH THAM GIA GÓP VỐN TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG CỦA TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI LÀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: (1)

1. Thông tin về tổ chức:

- Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, do... cấp ngày... tháng... năm...
- Vốn điều lệ
- Địa chỉ trụ sở chính
- Số điện thoại: Số Fax:
- Người đại diện theo pháp luật:

2. Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập Công ty ... (*)

- A: Vốn chủ sở hữu (2).
- B: Tài sản dài hạn (3) trừ đi Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (4).
- C: Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập Công ty ...(*)

$$(C = A - B)$$

Kết luận: Đủ khả năng tài chính góp vốn thành lập Công ty ... (*) (chỉ kết luận này khi C tối thiểu bằng mức vốn cam kết góp của tổ chức)

Ghi chú:

- (1): Gửi Ban trụ bị.
- (2), (3), (4): Được lấy theo Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ.

Người đại diện hợp pháp của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị thành lập

3. Thủ tục cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có nhu cầu cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép lập hồ sơ theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước.

+ Bước 2: Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký, trong đơn cần nêu rõ các nội dung hoạt động đề nghị bổ sung. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài đề nghị bổ sung hoạt động ngân hàng, trong đơn tổ chức tín dụng nước ngoài là chủ sở hữu, thành viên góp vốn có tỷ lệ góp vốn điều lệ lớn nhất trong tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài phải cam kết đây là các nội dung hoạt động tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nguyên xứ, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên tổ chức tín dụng phi ngân hàng nhất trí thông qua việc đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép;

c) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b nêu trên, công ty tài chính bổ sung nội dung hoạt động ngân hàng phải có thêm các văn bản sau đây:

(i) Quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động ngân hàng đề nghị bổ sung;

(ii) Báo cáo về tình hình đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị kèm theo cam kết về việc đã đáp ứng đủ điều kiện thực hiện hoạt động ngân hàng đề nghị bổ sung về đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị quy định tại Nghị định số 39/2014/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan;

d) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c nêu trên, công ty tài chính được thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định số 39/2014/NĐ-CP

có hiệu lực thi hành đề nghị bổ sung hoạt động bao thanh toán phải có thêm văn bản sau đây: Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động bao thanh toán đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị bổ sung nội dung hoạt động chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

đ) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c nêu trên, công ty tài chính được thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định số 39/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đề nghị bổ sung hoạt động phát hành thẻ tín dụng, cho thuê tài chính phải có thêm văn bản sau đây: Báo cáo tài chính trong 02 năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động phát hành thẻ tín dụng, cho thuê tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị bổ sung nội dung hoạt động chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 40 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

- **Lệ phí:** 35.000.000 đồng

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện đối với công ty tài chính bổ sung nội dung hoạt động ngân hàng:

Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị và các quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động ngân hàng đề nghị bổ sung;

Điều kiện đối với công ty tài chính bổ sung hoạt động bao thanh toán:

+ Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị và các quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động bao thanh toán;

+ Công ty tài chính được thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định số 39/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được bổ sung hoạt động bao thanh toán khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định nêu trên và các điều kiện sau đây:

(i) Hoạt động kinh doanh có lãi ít nhất trong năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động;

(ii) Tuân thủ các quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro liên tục trong tất cả các quý của năm liền kề trước năm đề nghị được bổ sung hoạt động;

(iii) Tỷ lệ nợ xấu dưới 3% liên tục trong tất cả các quý của năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động;

(iv) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 01 năm liền kề tính từ thời điểm đề nghị bổ sung hoạt động trở về trước;

Điều kiện đối với công ty tài chính bổ sung hoạt động phát hành thẻ tín dụng:

+ Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị và các quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động phát hành thẻ tín dụng;

+ Công ty tài chính được thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định số 39/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được bổ sung hoạt động phát hành thẻ tín dụng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định nêu trên và các điều kiện sau đây:

(i) Tuân thủ các quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro liên tục trong tất cả các quý của năm liền kề trước năm đề nghị được bổ sung hoạt động;

(ii) Tỷ lệ nợ xấu dưới 3% liên tục trong tất cả các quý của năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động;

(iii) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 01 năm liền kề tính từ thời điểm đề nghị bổ sung hoạt động trở về trước;

(iv) Hoạt động kinh doanh có lãi liên tục ít nhất trong 02 năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động;

Điều kiện đối với công ty tài chính bổ sung hoạt động cho thuê tài chính:

+ Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị và các quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động cho thuê tài chính;

+ Công ty tài chính được thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định số 39/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được bổ sung hoạt động cho thuê tài chính khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định nêu trên và các điều kiện sau đây:

(i) Tuân thủ các quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro liên tục trong tất cả các quý của năm liền kề trước năm đề nghị được bổ sung hoạt động;

(ii) Tỷ lệ nợ xấu dưới 3% liên tục trong tất cả các quý của năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động;

(iii) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 01 năm liền kề tính từ thời điểm đề nghị bổ sung hoạt động trở về trước;

(iv) Hoạt động kinh doanh có lãi liên tục ít nhất trong 02 năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động;

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

+ Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 15/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 08 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Thông tư số 01/2019/TT-NHNN ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

4. Thủ tục đồng thời đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có nhu cầu bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép lập hồ sơ theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước.

+ Bước 2: Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc cấp đổi Giấy phép bao gồm cả nội dung cấp bổ sung trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trục sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký trong đó bao gồm nội dung hoạt động đề nghị thực hiện, đề nghị bổ sung. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài đề nghị bổ sung hoạt động ngân hàng, trong đơn tổ chức tín dụng nước ngoài là chủ sở hữu, thành viên góp vốn có tỷ lệ góp vốn điều lệ lớn nhất trong tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài phải cam kết đây là các nội dung hoạt động tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nguyên xứ, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó;

b) Danh mục các nội dung hoạt động theo Giấy phép hiện hành, các văn bản chấp thuận khác của Ngân hàng Nhà nước kèm bản sao Giấy phép hiện hành và các văn bản chấp thuận này.

c) Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên tổ chức tín dụng phi ngân hàng nhất trí thông qua việc đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép;

d) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c nêu trên, công ty tài chính bổ sung nội dung hoạt động ngân hàng phải có thêm các văn bản sau đây:

(i) Quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động ngân hàng đề nghị bổ sung;

(ii) Báo cáo về tình hình đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị kèm theo cam kết về việc đã đáp ứng đủ điều kiện thực hiện hoạt động ngân hàng đề nghị bổ sung về đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất,

công nghệ, phương tiện, thiết bị quy định tại Nghị định số 39/2014/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan;

d) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d nêu trên, công ty tài chính được thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định số 39/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đề nghị bổ sung hoạt động bao thanh toán phải có thêm văn bản sau đây: Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động bao thanh toán đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị bổ sung nội dung hoạt động chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

e) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d nêu trên, công ty tài chính được thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định số 39/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đề nghị bổ sung hoạt động phát hành thẻ tín dụng, cho thuê tài chính phải có thêm văn bản sau đây: Báo cáo tài chính trong 02 năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động phát hành thẻ tín dụng, cho thuê tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị bổ sung nội dung hoạt động chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 40 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép cấp đổi bao gồm cả nội dung cấp bổ sung.

- **Lệ phí:** 35.000.000 đồng

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện đối với công ty tài chính bổ sung nội dung hoạt động ngân hàng:

Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị và các quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động ngân hàng đề nghị bổ sung;

Điều kiện đối với công ty tài chính bổ sung hoạt động bao thanh toán:

+ Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị và các quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động bao thanh toán;

+ Công ty tài chính được thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định số 39/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được bổ sung hoạt động bao thanh toán khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định nêu trên và các điều kiện sau đây:

(i) Hoạt động kinh doanh có lãi ít nhất trong năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động;

(ii) Tuân thủ các quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro liên tục trong tất cả các quý của năm liền kề trước năm đề nghị được bổ sung hoạt động;

(iii) Tỷ lệ nợ xấu dưới 3% liên tục trong tất cả các quý của năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động;

(iv) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 01 năm liền kề tính từ thời điểm đề nghị bổ sung hoạt động trở về trước;

Điều kiện đối với công ty tài chính bổ sung hoạt động phát hành thẻ tín dụng:

+ Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị và các quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động phát hành thẻ tín dụng;

+ Công ty tài chính được thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định số 39/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được bổ sung hoạt động phát hành thẻ tín dụng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định nêu trên và các điều kiện sau đây:

(i) Tuân thủ các quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro liên tục trong tất cả các quý của năm liền kề trước năm đề nghị được bổ sung hoạt động;

(ii) Tỷ lệ nợ xấu dưới 3% liên tục trong tất cả các quý của năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động;

(iii) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 01 năm liền kề tính từ thời điểm đề nghị bổ sung hoạt động trở về trước;

(iv) Hoạt động kinh doanh có lãi liên tục ít nhất trong 02 năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động;

Điều kiện đối với công ty tài chính bổ sung hoạt động cho thuê tài chính:

+ Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị và các quy định nội bộ theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động cho thuê tài chính;

+ Công ty tài chính được thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định số 39/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được bổ sung hoạt động cho thuê tài chính khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định nêu trên và các điều kiện sau đây:

(i) Tuân thủ các quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro liên tục trong tất cả các quý của năm liền kề trước năm đề nghị được bổ sung hoạt động;

(ii) Tỷ lệ nợ xấu dưới 3% liên tục trong tất cả các quý của năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động;

(iii) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 01 năm liền kề tính từ thời điểm đề nghị bổ sung hoạt động trở về trước;

(iv) Hoạt động kinh doanh có lãi liên tục ít nhất trong 02 năm liền kề trước năm đề nghị bổ sung hoạt động;

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

+ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01/2/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2018 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 15/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 08 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Thông tư số 01/2019/TT-NHNN ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.